

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Hồ;

Ông Trương Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn V (Tên gọi khác V C), sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm 1, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự tuyên phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã chấp hành xong bản án. Năm 2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ

sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng; tạm giữ, tạm giam: Không (bị cáo có mặt tại phiên tòa). Hiện bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 26/QĐ-TA ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- *Bị hại*: Anh Huỳnh Chí K, sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1999 (Chị ruột của bị hại).

Cùng nơi cư trú: Ấp 2, xã Thường Thới Hậu B, huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê Phi T – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị N: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1975 (mẹ ruột của N).

Cùng nơi cư trú: Ấp 1, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị Thanh T (Tên gọi khác Trần Thị T), sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Trần Văn C, sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Khóm 1, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 21/10/2019, bị cáo Trần Văn V đang đi bộ trên đường, khi đến ngã tư giao nhau đường Chu Văn An - Ngô Quyền thuộc

khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự thì phát hiện anh Huỳnh Chí K, sinh năm 2003 điều khiển xe mô tô tự té ngã. Lúc này V chạy đến đỡ lên và gọi 01 nam thanh niên không rõ họ, tên địa chỉ cụ thể chở V ngồi phía sau ôm K đưa đi cấp cứu, trên đường đi V phát hiện thấy trên cổ của K có 01 sợi dây chuyền vàng bị đứt còn dính trên cổ nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt và dùng tay trái (tháo) gỡ sợi dây chuyền trên cổ của K, K hỏi V “Sao anh lấy dây chuyền em”, V trả lời “Tao giữ dùm”. Khi đến Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự, V và người thanh niên lạ mặt đưa K vào phòng cấp cứu rồi sau đó cả hai cùng đi về. Khi về đến nhà, V đưa sợi dây chuyền cho Lê Thị N, sinh ngày 03/01/2005 và nói “Dây chuyền có được là lấy được của người bị tai nạn giao thông” và kêu N cất giữ để bán lấy tiền. Khoảng 06 giờ sáng ngày 22/10/2019 V và N đến tiệm vàng Tư N, địa chỉ ấp 1, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp bán sợi dây chuyền cho anh Trần Quốc T là chủ tiệm vàng với giá 2.000.000 đồng; số tiền bán vàng V và N mua lại của anh T 01 chiếc nhẫn với giá 860.000 đồng; cho bà Trần Thị Thanh T (mẹ ruột N) 500.000 đồng; cho ông Trần Văn C (cha ruột V) 300.000 đồng và V mua 01 máy tính bảng của 01 thanh niên lạ mặt không biết tên và địa chỉ cụ thể với giá 340.000 đồng thì bị phát hiện.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (Một) sợi dây chuyền màu vàng (không xác định trọng lượng);
- 01 (Một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có hoa văn hình tròn và móc câu có gắn các hạt đá màu trắng (không xác định trọng lượng);
- 01 (Một) Ipad màu trắng hiệu SAMSUNG CE0168, bị nứt kính màn hình (không kiểm tra chất lượng bên trong);
- Tiền Việt Nam 800.000 đồng

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐG ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền màu vàng (không xác định trọng lượng); có giá 2.359.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Huỳnh Chí K trình bày như sau: Sợi dây chuyền mà bị cáo chiếm đoạt đó là tài sản của anh. Vào khoảng 23 giờ ngày 21/10/2019, sau khi uống rượu say anh có điều khiển xe mô tô, chạy đến ngã tư giao nhau đường Chu Văn An - Ngô Quyền thuộc khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự thì tự ngã xe. Sau khi ngã anh được bị cáo và 01 thanh niên khác không biết tên, địa chỉ chở đến Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự

để cấp cứu, trên đường đi thì bị cáo V ngồi phía sau ôm, bị cáo V thấy sợi dây chuyền anh đang treo trên cổ gần đứt ra nên bị cáo đã lợi dụng lúc anh không còn tỉnh táo, không còn khả năng phản kháng nên bị cáo V đã chiếm đoạt sợi dây chuyền này. Lúc đó anh có hỏi “Anh lấy sợi dây chuyền tôi hả” thì bị cáo V trả lời là “Tao giữ giùm cho”. Lúc chiếm đoạt sợi dây chuyền thì bị cáo không dùng vũ lực hay có lời lẽ đe dọa nào. Khi đưa anh tới được bệnh viện bị cáo không trả lại sợi dây chuyền mà chiếm đoạt luôn. Ngoài sợi dây chuyền thì anh không còn mất tài sản nào khác. Nay anh đã nhận lại được sợi dây chuyền này rồi, vì vậy trong vụ án này anh không yêu cầu bị cáo hay ai khác phải bồi thường. Anh xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh thống nhất với quá trình và kết quả điều tra của cơ quan Công an.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N trình bày: Giữa bị cáo và chị hiện đang sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2018. Vào khoảng 01 giờ ngày 22/10/2019 chị đang ở nhà bị cáo thì được bị cáo đưa cho 01 sợi dây chuyền và nói là lấy được từ một người bị tai nạn giao thông, chị có nói bị cáo đem trả cho người ta nhưng bị cáo nói là đã lỡ lấy rồi, sáng mai bán lấy tiền đưa cho mẹ chị đi khám bệnh. Sáng sớm ngày hôm sau, chị và bị cáo cùng đi bán sợi dây chuyền này tại tiệm vàng Tư N ở huyện Tam Nông do ông Trần Quốc T làm chủ được 2.000.000đ. Sau đó chị và bị cáo mua lại 01 chiếc nhẫn vàng của ông T với giá là 860.000đ, cho bà Trần Thị Thanh T (mẹ ruột chị N) 500.000đ, cho ông Trần Văn C (cha ruột bị cáo) 300.000đ và bị cáo mua một máy tính bản hiệu SAMSUNG của một thanh niên không biết tên, địa chỉ với giá là 340.000đ. Qua sự việc trên chị biết hành vi của mình là trái quy định pháp luật. Trong vụ án này chị không yêu cầu giải quyết vấn đề gì và đã khắc phục hậu quả hành vi của mình rồi. Đối với việc giữa chị và bị cáo có quan hệ tình dục và sống chung như vợ chồng với nhau trong khi chị chưa đủ tuổi kết hôn là do chị hoàn toàn tự nguyện, nay chị từ chối đi giám định và không yêu cầu xử lý đối với bị cáo về hành vi này.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc T trình bày: Anh là chủ tiệm vàng Tư N, vào sáng ngày 22/10/2019 thì anh có mua 01 sợi dây chuyền vàng loại 18kara của bị cáo và chị N bán, giá mua là 2.000.000đ. Sau đó thì chị N và bị cáo mua lại của anh 01 chiếc nhẫn vàng với giá là 860.000đ. Trong lúc thực hiện giao dịch mua bán nêu trên thì anh không biết họ tên địa chỉ của bị cáo và chị N và cũng không biết nguồn gốc sợi dây chuyền này do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có, sau này cơ quan công

anh mời lên làm việc thì anh mới biết sự việc. Nay trong vụ án này anh không yêu cầu giải quyết gì vì anh đã giao nộp lại sợi dây chuyền mà anh mua cho Cơ quan điều tra và đã nhận lại đủ số tiền 2.000.000đ mà anh bỏ ra để mua sợi dây chuyền này.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà là mẹ ruột của chị N, vào sáng ngày 22/10/2019 thì bị cáo và N có mượn bà Tuyền 01 chiếc xe mô tô để đi mua đồ (sau này bà mới biết là đi bán sợi dây chuyền vàng), sau đó thì N có cho bà 500.000đ. Bà không biết nguồn gốc của sợi dây chuyền này từ đâu mà có. Sau khi cơ quan Công an mời lên làm việc thì bà mới biết sợi dây chuyền này do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có. Trong vụ án này bà không yêu cầu giải quyết vấn đề gì và đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 500.000đ cho cơ quan Công an.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo, vào trưa ngày 22/10/2019 thì N có cho ông 300.000đ để ông đi lấy vé số bán. Ông không biết nguồn gốc của số tiền này từ đâu mà có. Sau khi cơ quan Công an mời lên làm việc thì ông mới biết số tiền này có được là do bán sợi dây chuyền mà bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có. Trong vụ án này ông không yêu cầu giải quyết vấn đề gì và đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 300.000đ cho cơ quan Công an.

Luật sư Lê Phi T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Huỳnh Chí K trình bày: Thống nhất với kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hồng Ngự và Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 02/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự. Do bị hại và gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Tòa án xem xét xử bị cáo về mặt hình sự đúng quy định của pháp luật nhằm phòng ngừa chung. Về phần bị hại K cũng nhận thức được việc phạm tội của bị cáo cũng có một phần sai sót của mình trong quá trình sinh hoạt của bản thân, tạo sự sơ hở để bị cáo phạm tội. Do đó đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 26/11/2019 Cơ quan điều tra Công an thị xã Hồng Ngự đã giao và trao trả lại cho anh Trần Quốc T – Chủ tiệm vàng Tư N là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan 01 chiếc nhẫn vàng, 01 Ipad hiệu Samsung CE0168 và 800.000đ.

Ngày 29/11/2019 Cơ quan điều tra Công an Thị xã đã trao trả lại cho anh Huỳnh Chí K là người bị hại 01 sợi dây chuyền vàng do bị cáo chiếm đoạt của anh như trên.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Văn V (V C) về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi trực tiếp thực hiện của bị cáo V là lợi dụng hoàn cảnh anh Huỳnh Chí K say rượu bị tai nạn giao thông không có khả năng và điều kiện ngăn cản nên Trần Văn V công nhiên chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng của anh Huỳnh Chí K đang đeo trên cổ, tài sản chiếm đoạt có giá 2.359.000 đồng. Về vật chứng: đã xử lý xong. Về trách nhiệm dân sự: các bên tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử đã phát biểu lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Văn V (V C) từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù.

Bị cáo Trần Văn V thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V (Tên khác V C) đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị

cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh, điều kiện anh Huỳnh Chí K không có khả năng ngăn cản do đang trong tình trạng say rượu và bị tai nạn giao thông, nên đã công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng trước mặt anh K. Anh K nhận biết được hành vi của bị cáo lấy sợi dây chuyền của mình và nói “Sao anh lấy sợi dây chuyền của em” nhưng bị cáo vẫn cố tình lợi dụng tình trạng không ngăn cản được của anh K để thực hiện hành vi phạm tội của mình tới cùng. Sau khi chiếm đoạt được bị cáo đã bán sợi dây chuyền này để tiêu xài cá nhân. Giá trị của sợi dây chuyền vàng bị chiếm đoạt là 2.359.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Căn cứ Bản kết luận điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị hại, của các đương sự trong vụ án và lời thừa nhận của bị cáo, đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn V đã phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản

1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại”.*

Hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Vào năm 2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự tuyên phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên sau khi đã chấp hành xong bản án, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cũng để lấy tài sản của người khác, điều này thể hiện sự bất chấp xem thường pháp luật của bị cáo. Đồng thời hiện bị cáo là người nghiện ma túy, năm 2017 đã bị Tòa án áp dụng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, sau khi chấp hành xong thì tiếp tục sử dụng ma túy nên năm 2019 bị cáo bị Tòa án áp dụng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng và hiện bị cáo đang chấp hành tại Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Đồng Tháp. Bản thân bị cáo còn trẻ, trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng không cố gắng học tập, tìm kiếm việc làm ổn định. Do lười biếng lao động và sử dụng ma túy nhưng muốn nhanh chóng kiếm tiền nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội như trên, nên phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời bị hại cũng có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và cũng nhờ bị cáo đã đưa bị hại đến bệnh viện cấp cứu, xem đây cũng là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng răn đe phòng ngừa chung.

[6] Từ ngày 10/01/2020 cho đến nay, bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại

Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Đồng Tháp, theo Quyết định số 26/QĐ-TA ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự. Căn cứ Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính, kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án là hình phạt tù của Bản án này thì bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nêu trên.

[7] Các tình tiết khác của nội dung vụ án:

Đối với Lê Thị N là người trực tiếp bán sợi dây chuyền, bản thân biết bị cáo V phạm tội mà có, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi N dưới 16 tuổi (14 tuổi 09 tháng 19 ngày) nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của N về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1, Điều 323 và Điều 390 Bộ luật Hình sự mà chuyển hồ sơ để cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Quốc T là người mua sợi dây chuyền, khi mua anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của anh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Văn C là người được Lê Thị N cho tiền từ bán sợi dây chuyền do Trần Văn V phạm tội mà có, tuy nhiên bà T và ông C không biết nguồn gốc số tiền trên, đồng thời đã tự nguyện giao nộp, nhận thấy bà T và ông C không biết nguồn tiền có được do V phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của bà T và ông C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với hành vi Trần Văn V khai nhận có nhiều lần giao cấu với Lê Thị N và chung sống với nhau như vợ chồng, trong khi đó N chưa được 14 tuổi. Do trong quá trình điều tra vụ án Lê Thị N từ chối đi giám định. N và đại diện hợp pháp N thống nhất yêu cầu không xử lý hình sự đối Trần Văn V nên Viện kiểm sát xét thấy không có căn cứ khởi tố đối với Trần Văn V về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Về vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, ngày 13/11/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định và đã thông báo thời gian, địa điểm giám định đối với N, nhưng N và người đại diện hợp pháp tự nguyện từ chối

đi giám định và có đơn không yêu cầu khởi tố hình sự đối với Trần Văn V về hành vi giao cấu này, nên không có kết luận giám định. Tuy nhiên, kết quả giám định không phải là chứng cứ duy nhất để khởi tố vụ án và tội này cũng không thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại. Để việc xét xử vụ án được nhanh chóng, kịp thời và xét thấy hành vi này của bị cáo có thể xem xét giải quyết thành vụ án khác. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai của bị cáo Vĩnh, của Lê Thị N và người đại diện hợp pháp của N, xét thấy hành vi của Trần Văn V có dấu hiệu của tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hồng Ngự tiếp tục điều tra làm rõ hành vi này của bị cáo để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người thanh niên chở Huỳnh Chí K đi cấp cứu và người thanh niên bán cho Trần Văn V 01 chiếc Ipad hiệu SamSung, do không biết rõ họ, tên địa chỉ nên không xác minh làm việc được. Khi nào xác minh làm rõ sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án và tài sản tạm giữ: Trong quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra đã xử lý xong, các vật chứng, tài sản thu giữ được đã trao trả cho bị hại và những người liên quan. Xét thấy, việc xử lý vật chứng và các tài sản tạm giữ của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác của vụ án không khiếu nại về việc này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo và những người liên quan đã thỏa thuận giải quyết xong. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác của vụ án không khiếu nại về việc này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 172, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V (tên gọi khác V C) phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V (tên gọi khác V C) 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù). Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn V (tên gọi khác V C) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hồng Ngự tiếp tục tiến hành điều tra làm rõ hành vi bị cáo Trần Văn V (V C) nhiều lần giao cấu và chung sống với nhau như vợ chồng với Lê Thị N, trong khi N chưa được 14 tuổi để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn V (tên gọi khác V C), bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an TX. Hồng Ngự;
- Cơ quan THA HS Công an TX. Hồng Ngự;
- Cơ sở cai nghiện tỉnh Đồng Tháp;
- UBND P. An Thạnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Huỳnh Anh

